

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 807/2022/DS-PT
Ngày: 21/12/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Cương
Ông Uông Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 356/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 986/2022/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5598/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phan Công H**, sinh năm 1952. (có mặt)
Địa chỉ: Căn hộ 1505 Nhà A2, T, số 56 đường X, phường T, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Mai Trọng T**, sinh năm 1936. (có mặt)
Địa chỉ: Căn hộ 802 Nhà A1, T, số 56 đường X, phường T, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Công ty TNHH O.**

Địa chỉ trụ sở: 71/1/6 đường D, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Mai Trọng T**. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Thanh T1**, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 341/26/10 đường K, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Trần Việt D**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 50 đường N, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Mai Trọng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết từ nhiều năm, nên ông Phan Công H cho ông Mai Trọng T vay tiền tổng cộng là 700.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 24/01/2019, ông T vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 25/01/2019 đến ngày 25/7/2019, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng;

- Ngày 15/5/2019, ông T vay tiếp số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 4 tháng từ ngày 16/5/2019 đến ngày 16/9/2019, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng.

Ông H xác định cả hai khoản vay nêu trên là ông cho cá nhân ông T vay. Do lúc bấy giờ ông T đang giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty TNHH O, nên ông T đã dùng con dấu pháp nhân của Công ty đóng vào giấy vay tiền để làm tin.

Qua nhiều lần hẹn trả nợ, nhưng cho đến nay ông T vẫn chưa trả toàn bộ số tiền vay và tiền lãi. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng vay vốn ngày 24/01/2019 và giấy mượn tiền ngày 15/5/2019 giữa Công ty TNHH O và ông H; đồng thời yêu cầu buộc ông T và Công ty TNHH O phải trả số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng cùng tiền lãi của số tiền này theo lãi suất do pháp luật quy định.

** Bị đơn là ông Mai Trọng T và cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH O trình bày:*

Ông Mai Trọng T và ông Phan Công H quen biết nhau do ở cùng trong một khu chung cư. Vì đang cần vốn để đầu tư kinh doanh, nên ông T đã hỏi vay và được ông H cho vay số tiền là 700.000.000 đồng, vay làm hai lần như ông H trình bày. Số tiền vay được từ ông H là để phục vụ việc kinh doanh của Công ty, nên Công ty sẽ trả nợ cho ông H khi Công ty bán được sản phẩm, còn cá nhân ông T không có nghĩa vụ phải trả nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh T1 trình bày:*

Ông là thành viên của Công ty TNHH O. Ông Mai Trọng T là Tổng giám đốc Công ty có vay tiền của ông Phan Công H để sản xuất sản phẩm là bình oxy mini. Số tiền vay này Công ty sẽ trả cho ông H khi Công ty bán được sản phẩm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Việt D: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH O và ông Mai Trọng T có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền đã vay là 700.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền nêu trên theo quy định của pháp luật với mức lãi suất là 1,7%/ tháng. Nguyên đơn rút yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng vay vốn ngày 24/01/2019 và giấy mượn tiền ngày 15/5/2019 giữa Công ty TNHH O và ông Phan Công H.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 986/2022/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phan Công H. Buộc ông Mai Trọng T phải trả số tiền nợ là 700.000.000 đồng (Theo hợp đồng vay vốn ngày 24/01/2019 và giấy mượn tiền ngày 15/5/ 2019) và tiền lãi là 610.296.291 đồng. Tổng cộng là 1.310.296.291 (Một tỷ, ba trăm mười triệu, hai trăm chín mươi sáu ngàn, hai trăm chín mươi mốt) đồng, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Công H buộc Công ty TNHH O trả nợ.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Phan Công H tuyên bố vô hiệu hợp đồng vay vốn ngày 24/01/2019 và giấy mượn tiền ngày 15/5/2019, giữa ông Phan Công H và Công ty TNHH O.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Mai Trọng T không yêu cầu xem xét lại đối với số tiền lãi đã trả là 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng;

5. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Phan Công H phải chịu 2.272.000 đồng tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, theo Phiếu thu ngày 27/12/2021 và 28/12/2021 (Ông Phan Công H đã nộp đủ tiền lệ phí);

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau đó phía bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bị đơn ông Mai Trọng T đồng thời cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH O trình bày:

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH O (gọi tắt là Công ty O) có trách nhiệm trả nợ cho ông Phan Công H. Vì số tiền 700.000.000 đồng là của Công ty O vay của ông H không phải cá nhân ông T vay. Ông T ký tên trên hợp đồng vay vốn ngày 24/01/2019

và giấy mượn tiền ngày 15/5/2019 với tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty O, có đóng dấu mộc của Công ty. Do là nợ của Công ty nên khi nào Công ty bán được sản phẩm sẽ trả nợ cho ông H. Cá nhân ông T không có nghĩa vụ phải trả nợ.

Tại cấp phúc thẩm, ông T cung cấp thêm tài liệu là các bản photo Bảng xác nhận của Công ty TNHH C có nội dung trong thời gian từ ngày 09/8/2021 đến ngày 19/8/2021 đã nhận của ông T số tiền 220.000.000 đồng; và trong thời gian từ ngày 01/4/2019 đến 20/7/2021 nhận của Công ty O tổng số tiền 389.023.700 đồng, tổng cộng là 609.023.700 đồng. Đồng thời ông T cung cấp Hợp đồng ngày 15/01/2019 của Công ty O đặt hàng ông Huỳnh Thanh V sản xuất sản phẩm với tổng giá trị hợp đồng là 375.000.000 đồng cùng giấy xác nhận của ông đã nhận đủ tiền từ Công ty. Ông T cũng nộp Bản sao kê giao dịch tài khoản của Công ty O thể hiện ngày 11/3/2019 ông T nộp 15.000.000 đồng, ngày 21/3/2019 ông T nộp 54.500.000 đồng vào tài khoản Công ty.

Ông trình bày những tài liệu trên chứng minh việc sau khi ông H chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông T thì ông đã sử dụng toàn bộ số tiền để mua nguyên vật liệu sản xuất, phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Do việc chi trả trên thực tế nên ông không có chứng từ thể hiện việc nhập số tiền đã vay vào quỹ Công ty cũng như không có hóa đơn, chứng từ quyết toán với Công ty khi ông T mua nguyên vật liệu sản xuất. Ông T cho rằng tài khoản của Công ty thể hiện Công ty không có tiền, tuy nhiên Công ty vẫn ký được hợp đồng, vẫn chi hoạt động đều từ nguồn tiền vay của ông H cũng như các nguồn vay khác do ông T thực hiện.

** Nguyên đơn ông Phan Công H trình bày:*

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T1, ông Trần Việt D vắng mặt.*

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng vay vốn ngày 24/01/2019 và giấy mượn tiền ngày 15/5/2019 của ông Hoan được ông T ký tên với tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH O, có đóng dấu mộc của Công ty. Sau đó ông H chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông T. Do đó có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, cần buộc ông T và Công ty TNHH O có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông H.

Đối với khoản vay 500.000.000 đồng, ông T đã trả lãi cho ông H 75.000.000 đồng theo mức lãi suất vượt quá quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã không tính toán lại lãi suất là không đúng. Do đó cần phải tính lại số tiền lãi mà ông T đã trả, cụ thể số tiền lãi mà ông T phải trả cho ông H với khoản vay 500.000.000 đồng là 419.321.865 đồng. Đối với khoản vay 200.000.000 đồng, cấp sơ thẩm đã tính đúng về lãi.

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông T và Công ty TNHH O có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông H, tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.299.607.391 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Mai Trọng T kháng cáo cho rằng số tiền 500.000.000 đồng tại Hợp đồng vay vốn ngày 24/01/2019 và số tiền 200.000.000 đồng tại Giấy mượn tiền ngày 15/5/2019 là do Công ty TNHH O vay của ông Phan Công H, không phải cá nhân ông T vay. Ông T trình bày những tài liệu mà ông cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm đã chứng minh việc sau khi ông H chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông T thì ông đã sử dụng toàn bộ số tiền để mua nguyên vật liệu sản xuất, đặt sản xuất hàng, phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng vay vốn ngày 24/01/2019 thể hiện bên vay là Công ty TNHH O do ông Mai Trọng T là người đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu. Tuy nhiên số tài khoản bên vay ghi trên hợp đồng là số tài khoản của cá nhân ông Tuấn, không phải của Công ty O. Theo Ủy nhiệm chi ngày 25/01/2019 thì ông H đã chuyển vào tài khoản cá nhân ông T số tiền 500.000.000 đồng, nội dung là chuyển tiền. Trên hợp đồng vay và trên ủy nhiệm chi đều không thể hiện mục đích vay sử dụng cho hoạt động của Công ty. Sau đó ông T cũng dùng tài khoản cá nhân của mình để chuyển trả 75.000.000 đồng tiền lãi cho ông H.

Đối với giấy mượn tiền ngày 15/5/2019 thể hiện bên vay là ông Mai Trọng T là Tổng giám đốc Công ty TNHH O; ông T ký tên và đóng dấu của Công ty. Tuy nhiên tài khoản mà ông T yêu cầu ông H chuyển tiền cũng là số tài khoản của cá nhân ông T, không phải tài khoản của Công ty. Tại giấy đề nghị chuyển tiền nhanh liên Ngân hàng 24/7 ngày 15/5/2019 thể hiện ông H đã chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản của ông T. Nội dung trên giấy mượn tiền cũng như chuyển tiền đều không thể hiện mục đích vay sử dụng cho hoạt động của Công ty.

Như vậy, từ các tài liệu trên thể hiện cả hai khoản tiền vay của ông H đều được chuyển vào tài khoản cá nhân của ông T. Ông T không có tài liệu nào chứng minh việc ông chuyển số tiền 700.000.000 đồng này vào tài khoản của Công ty. Việc ông T cho rằng do Công ty kinh doanh nhỏ nên tự ông sử dụng số tiền vay để chi hoạt động cho Công ty mà không lập sổ sách để quyết toán với

Công ty là trái với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Luật Thuế về hoạt động quản lý vốn, tài sản, báo cáo tài chính... Hiện nay mặc dù ông Lê Thanh T1 là thành viên thứ hai của Công ty có lời trình bày thừa nhận việc ông T vay tiền của ông H để phát triển sản xuất sản phẩm và đồng ý Công ty sẽ trả nợ cho ông H nhưng thành viên còn lại của Công ty là ông Trần Việt D lại vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Ông T1 cũng xác định số tiền vay của ông H không được ông T chuyển vào tài khoản của Công ty.

Các tài liệu mà ông T cung cấp cũng chỉ thể hiện việc ông T và Công ty O có các hoạt động chi tiền từ khoảng thời gian tháng 1, 4, 5, 6, 12/2019 và trong các năm 2020, 2021 nhưng không đủ cơ sở để xác định các khoản tiền này là xuất phát từ tiền vay của ông H. Đối với hai khoản tiền ông T chuyển vào tài khoản của Công ty vào tháng 3/2019 cũng chỉ có 69.500.000 đồng, không khớp với số tiền và thời gian vay tiền của ông H.

Cấp sơ thẩm xác định cá nhân ông Tuấn phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay cho ông H, không có cơ sở buộc Công ty TNHH O có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ, đúng quy định. Về số tiền vay, tiền lãi mà cấp sơ thẩm đã tuyên do không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phải tính lại tiền lãi 75.000.000 đồng mà ông T đã trả cho ông H đối với khoản vay 500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại cấp sơ thẩm, ông T đã tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét lại đối với số tiền lãi mà ông T đã trả cho ông H; bản án sơ thẩm cũng đã ghi nhận sự tự nguyện này tại phần quyết định. Ông T không kháng cáo về số tiền nợ cũng như tiền lãi mà bản án sơ thẩm đã tuyên, ông T chỉ kháng cáo về trách nhiệm trả nợ. Do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét vấn đề này.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải nộp do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Trọng T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Công H:

Buộc ông Mai Trọng T phải trả cho ông Phan Công H số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi là 610.296.291 đồng (Sáu trăm mười triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm chín mươi một đồng); Tổng cộng là 1.310.296.291 đồng (Một tỷ ba trăm mười triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm chín mươi một đồng) theo Hợp đồng vay vốn ngày 24/01/2019 và Giấy mượn tiền ngày 15/5/2019. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Công H buộc Công ty TNHH O phải có trách nhiệm liên đới trả nợ với ông Mai Trọng T.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Phan Công H đề nghị tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng vay vốn ngày 24/01/2019 và Giấy mượn tiền ngày 15/5/2019 giữa ông Phan Công H và Công ty TNHH O.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Mai Trọng T không yêu cầu xem xét lại đối với số tiền lãi đã trả là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

5. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Phan Công H phải chịu 2.272.000 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng) tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Phiếu thu ngày 27/12/2021 và 28/12/2021. Ông H đã nộp đủ tiền lệ phí.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí và có đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Dung